

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP TỔ BỘ MÔN BIÊN DỊCH NNA
V/v: Rà soát sửa đổi đề cương chi tiết

1. Thời gian, địa điểm

Thời gian: 8:00 ngày 15 tháng 7 năm 2018

Địa điểm: Văn phòng khoa Ngoại ngữ, tầng 4 nhà A1

2. Thành phần tham dự:

- TS. Nguyễn Thị Việt Nga, Phó Trưởng khoa phụ trách khoa NN, kiêm phụ trách bộ môn Biên dịch NNA

- Các giảng viên thuộc tổ bộ môn BDNNA

3. Chủ tọa, thư ký buổi họp:

- Chủ tọa: TS. Nguyễn Thị Việt Nga

- Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung

4. Nội dung buổi họp:

Rà soát lại việc sửa đổi đề cương chi tiết của CTĐT do các giảng viên đảm nhiệm để phù hợp với những thay đổi của CTĐT.

5. Diễn biến buổi họp:

- TS. Nguyễn Thị Việt Nga phổ biến lại về những thay đổi trong các học phần của CTĐT ngành NNA năm 2018 so với năm 2016.

- TS. Nguyễn Thị Việt Nga phổ biến về một số thay đổi trong đề cương chi tiết các môn học, dựa trên những thay đổi của CTĐT, cụ thể:

+ thay đổi “Chuẩn đầu ra” của các môn học cho phù hợp, đảm bảo sự tương thích và nhất quán với CDR của CTĐT.

+ Cập nhật lại về số tín chỉ, phân bổ cho đúng giờ lý thuyết và giờ thực hành

+ Cập nhật lại về loại học phần: bắt buộc hay tự chọn.

+ Cập nhật về nội dung giảng dạy cho phù hợp hơn với thời điểm hiện tại.

+ Chú ý các hình thức kiểm tra đánh giá làm sao để có thể đánh giá được tốt nhất các CDR của môn học cũng như khớp với CDR của CTĐT.

+ Tiếp tục rà soát lại hệ thống tài liệu, yêu cầu bổ sung thêm một số tài liệu mới.

+ Chú ý bổ sung hệ thống câu hỏi ôn tập, đề tài tiểu luận.

✓ **Định hướng các phương pháp giảng dạy:**

- Trong nội dung chi tiết học phần của CTĐT cần thể hiện được các hình thức, phương pháp dạy học đa dạng, lồng ghép các phương pháp giảng dạy tích cực.
- Đối với mỗi học phần cần đưa ra các PPGD phù hợp với mục tiêu, trong đó phải có các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ
- Các học phần cũng cần có CDR riêng, tương thích với CDR của CTĐT
- Đối với mỗi CDR cần có các phương pháp, cách thức giảng dạy cụ thể; đồng thời các hình thức và phương pháp giảng dạy cũng phải được thể hiện trong nội dung chi tiết của học phần
- Sử dụng các từ trong ma trận phương pháp dạy học như:
 - + Đ/v dạy học tương tác: thuyết giảng, thảo luận nhóm
 - + Đ/v dạy học gián tiếp: giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp
 - + Đ/v dạy học trải nghiệm: nhập vai/ mô phỏng, thực hành/thí nghiệm, thực tế, thực tập
 - + Thuyết trình

✓ **Định hướng các phương pháp kiểm tra, đánh giá:**

- Đối với hình thức đánh giá ý thức: điểm danh chuyên cần, bài tập về nhà, hỏi đáp, quan sát các hoạt động học tập trên lớp của sinh viên,...
- + Đối với đánh giá định kỳ: thuyết trình, kiểm tra viết,...
- + Đánh giá kết thúc học phần: đối với các môn đại cương, cơ sở ngành thì hình thức đánh giá là thi tự luận. Còn đối với các môn từ ngành trở lên có thể thêm hình thức đánh giá khác như tiểu luận, trắc nghiệm kết hợp tự luận, làm bài tập lớn....
- + Cần phải mô tả rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá

- TS. Nguyễn Thị Việt Nga kết luận: Yêu cầu các giảng viên bổ sung thêm những nội dung đã được phổ biến, hoàn thiện và nộp lại cho khoa để khoa tổng hợp. Các đề cương chi tiết chuyên ngành NNA giao cho TS. Lương Bá Phương tổng hợp.

Cuộc họp kết thúc lúc 10h cùng ngày./.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA



ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung



TS. Nguyễn Thị Việt Nga

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP KHOA
Về sửa đổi chương trình đào tạo ngành NNA

1. Thời gian, địa điểm

Thời gian: 8h30 ngày 20 tháng 6 năm 2018

Địa điểm: Văn phòng khoa Ngoại ngữ- Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Thành phần tham dự:

- Ban Chủ nhiệm Khoa Ngoại Ngữ
- Các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

3. Chủ tọa, thư ký buổi họp:

- Chủ tọa: TS. Nguyễn Thị Việt Nga
- Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng

4. Nội dung buổi họp:

Triển khai Kế hoạch số 2872/KH-HVBCTT và Hướng dẫn 3094/HD-HVBCTT-ĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, cụ thể:

- Các nội dung liên quan đến rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ Đại học, ngành NNA

- Lấy ý kiến giảng viên khoa NN về điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương học phần ngành NNA

5. Diễn biến buổi họp:

- TS. Nguyễn Thị Việt Nga giới thiệu nội dung cuộc họp, yêu cầu các giảng viên cùng đưa ý kiến về việc sửa đổi CTĐT.

- TS. Nguyễn Thị Việt Nga phổ biến các nội dung liên quan đến rà soát, cập nhật CTĐT của Học viện.

- TS. Lương Bá Phương công bố kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp, đối sánh chương trình đào tạo.

- Các giảng viên thảo luận và thống nhất một số nội dung sau:

+ Nhất trí sửa lại các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho sát với nội dung CTĐT.

+ Bổ sung các CDR của CTĐT, trong đó có các CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Đồng thời đưa ra ma trận CDR của các học phần (theo mẫu).

+ Thay đổi về cách thức đánh giá điểm bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

+ Bổ sung các căn cứ xây dựng chương trình đào tạo, trong đó gồm: tham khảo các chương trình đào tạo trong nước nước, các kết quả khảo sát từ nhu cầu của xã hội và khảo sát chất lượng đào tạo; các căn cứ pháp lý.

+ Sửa đổi lại vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của thị trường và cụ thể hóa các lĩnh vực nghề nghiệp.

+ Thay đổi cấu trúc chương trình:

++) Khối lượng kiến thức toàn khoá từ 133 TC xuống 130 tín chỉ (TC) (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) là phù hợp với thực tiễn ngành nghề, cần tạo điều kiện, phát huy khả năng tự học, tự cập nhật thông tin, kiến thức của sinh viên. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, lấy người học làm trung tâm, đẩy mạnh việc ứng dụng các mô hình lớp học đảo ngược, học qua trải nghiệm...

++) Khối kiến thức giáo dục đại cương từ 46 tín chỉ còn 41 tín chỉ. Trong đó Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh giảm từ 13 tín chỉ còn 11 tín chỉ; Ngoại ngữ 2 giảm từ 15 tín chỉ còn 12 tín chỉ.

++) Cấu trúc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thay đổi: từ kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành thành kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành.

++) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 87 tín chỉ thành 89 tín chỉ (tăng số tín chỉ của một số môn học). Trong đó, kiến thức cơ sở ngành tăng từ 29 lên 31 tín chỉ; Kiến thức ngành là 29 tín chỉ (bắt buộc là 17), kiến thức chuyên ngành là 29 tín chỉ (bắt buộc là 15)

++) Khóa luận và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyển từ 7 tín chỉ còn 6 tín chỉ.

+ Thay đổi nội dung CTĐT:

++) Bổ sung các học phần mới vào khối kiến thức cơ sở ngành, mục tự chọn (2018) như: học phần thực hành Đọc Viết nâng cao, Kỹ năng phỏng vấn, tiếng Anh du lịch, tiếng Anh ngoại giao, tiếng Anh Ngân hàng,

++) Chuyển học phần Ngữ âm – Âm vị học, Văn hóa Anh – Mỹ, văn học Anh – Mỹ từ bắt buộc sang tự chọn. Bổ sung Kiến tập nghề nghiệp vào Kiến thức ngành bắt buộc

++) Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, khối học phần bắt buộc bỏ Tiếng Anh nâng cao, bổ sung các học phần tự chọn như Thực hành biên dịch 4, Biên dịch chuyên ngành khoa học tự nhiên, Biên dịch chuyên ngành Kỹ thuật – Công nghệ

Sau khi thảo luận, Khoa thống nhất thay đổi CTĐT năm 2018 so với năm 2016 như sau:

Nội dung chương trình	Khung CTĐT năm 2016		Khung CTĐT năm 2018	
	Học phần	Số tín chỉ	Học phần	Số tín chỉ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	46	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	41
	<i>1.1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	13	<i>1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	11
	Triết học Mác – Lênin	3.0	Triết học Mác - Lênin	3,0
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3.0		

Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0		(2,5:0,5)
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2,0 (1,5:0,5)
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,0 (1,5:0,5)
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn	15	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)
Pháp luật đại cương	3.0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0 (1,5:0,5)
Cơ sở văn hoá Việt Nam	2.0	1.2. Khoa học xã hội và nhân văn	9
Tiếng Việt thực hành	2.0	Pháp luật đại cương	3,0 (2,0:1,0)
Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	Chính trị học	2,0 (1,5:0,5)
Quản lý hành chính Nhà nước	2.0	Xây dựng Đảng	2,0 (1,5:0,5)
Lý thuyết truyền thông	2.0	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2,0 (1,5:0,5)
Biên tập ngôn ngữ văn bản	2.0	Tiếng Việt thực hành	2,0 (1,5:0,5)
Lôgic hình thức	2.0	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)
Giáo dục học đại cương	2.0	Lịch sử văn minh thế giới	2,0 (1,5:0,5)
Mỹ học	2.0	Ngôn ngữ học đại cương	2,0 (1,5:0,5)
Đạo đức học	2.0	Quan hệ quốc tế đại cương	2,0 (1,5:0,5)
Thông tin đối ngoại	2.0	Quan hệ công chúng	2,0 (1,5:0,5)
Lịch sử văn minh thế giới	2.0	Xã hội học đại cương	2,0 (1,5:0,5)
1.3. Toán và khoa học tự nhiên	3	Tâm lý học đại cương	2,0
Tin học ứng dụng	3.0		
1.4. Ngoại ngữ 2 (sinh viên chọn học 1 trong 3 thứ tiếng)	15		
Tiếng Trung học phần 1	3.0		
Tiếng Trung học phần 2	4.0		
Tiếng Trung học phần 3	3.0		
Tiếng Trung học phần 4	5.0		
Tiếng Nga học phần 1	3.0		
Tiếng Nga học phần 2	4.0		
Tiếng Nga học phần 3	3.0		
Tiếng Nga học phần 4	5.0		
Tiếng Pháp học phần 1	3.0		
Tiếng Pháp học phần 2	4.0		
Tiếng Pháp học phần 3	3.0		
Tiếng Pháp học phần 4	5.0		
1.5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng			

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87		(1,5:0,5)
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	Đạo đức học	2,0 (1,5:0,5)
Bắt buộc	25	1.3. Tin học	3
Dẫn luận ngôn ngữ	2.0	Tin học ứng dụng	3,0 (1,0:2,0)
Ngữ âm – âm vị học	2.0	1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Trung hoặc tiếng Pháp)	12/14
Ngữ pháp	3.0	Tiếng Trung học phần 1	4,0 (2,0:2,0)
Ngữ nghĩa	2.0	Tiếng Trung học phần 2	4,0 (2,0:2,0)
Phong cách học và văn phong báo chí Anh	6.0	Tiếng Trung học phần 3	4,0 (2,0:2,0)
Ngôn ngữ học đối chiếu	2.0	Tiếng Pháp học phần 1	4,0 (2,0:2,0)
Lý thuyết dịch	2.0	Tiếng Pháp học phần 2	4,0 (2,0:2,0)
Văn hoá Anh – Mỹ	3.0	Tiếng Pháp học phần 3	4,0 (2,0:2,0)
Văn học Anh – Mỹ	3.0	2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89
Tự chọn	4/10	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	31
Phân tích diễn ngôn	2.0	Bắt buộc	16
Ngữ dụng	2.0	Nghe 1	4,0 (2,0:2,0)
Từ vựng học	2.0	Nói 1	4,0 (2,0:2,0)
Giao thoa văn hóa	2.0	Đọc 1	4,0 (2,0:2,0)
Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2.0	Viết 1	4,0 (2,0:2,0)
2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành	38	Tự chọn	(15/45)
Bắt buộc	30	Nghe 2	3,0 (2,0:1,0)
Nghe hiểu 1	3.0	Nói 2	3,0
Diễn đạt nói 1	3.0		
Đọc hiểu 1	3.0		
Diễn đạt viết 1	3.0		
Thực hành biên dịch 1	4.0		
Thực hành biên dịch 2	5.0		
Thực hành biên dịch 3	5.0		
Thực hành biên dịch 4	4.0		
Tự chọn	8/16		
Nghe hiểu 2	2.0		
Đọc hiểu 2	2.0		
Diễn đạt nói 2	2.0		
Diễn đạt viết 2	2.0		

Thực hành nghe nói nâng cao	2.0		(2,0:1,0)
Kỹ năng thuyết trình	2.0	Đọc 2	3,0 (2,0:1,0)
Công nghệ với dịch thuật	2.0	Viết 2	3,0 (2,0:1,0)
Kỹ năng viết báo cáo	2.0	Tiếng Anh nâng cao	3,0 (2,0:1,0)
2.3. Kiến thức bổ trợ	8	Kỹ năng thuyết trình	3,0 (2,0:1,0)
Nghe hiểu 3	2.0	Thực hành nghe nói nâng cao	3,0 (2,0:1,0)
Đọc hiểu 3	2.0	Thực hành đọc viết nâng cao	3,0 (2,0:1,0)
Diễn đạt nói 3	2.0	Kỹ năng viết tin tiếng Anh	3,0 (2,0:1,0)
Diễn đạt viết 3	2.0	Kỹ năng phỏng vấn	3,0 (2,0:1,0)
2.4. Kiến tập	2.0	Công nghệ với dịch thuật	3,0 (2,0:1,0)
2.5. Thực tập nghề nghiệp	3.0	Kỹ năng viết báo cáo	3,0 (2,0:1,0)
2.6. Khóa luận tốt nghiệp	7.0	Tiếng Anh du lịch	3,0 (2,0:1,0)
2.7. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	7.0	Tiếng Anh ngân hàng	3,0 (2,0:1,0)
Tiếng Anh nâng cao	2.0	Tiếng Anh ngoại giao	3,0 (2,0:1,0)
Thực hành biên dịch nâng cao	3.0	2.2. Kiến thức ngành	29
Tiếng Anh kinh tế, tài chính	2.0	Bắt buộc	20
Tổng	133	Dẫn luận ngôn ngữ	3,0 (2,0:1,0)
		Ngữ pháp	3,0 (2,0:1,0)

	Phong cách học và văn phong báo chí tiếng Anh	5,0 (3,5:1,5)
	Ngôn ngữ học đối chiếu	3,0 (2,0:1,0)
	Lý thuyết dịch	3,0 (2,0:1,0)
	Kiến tập nghề nghiệp	3,0 (1,0:2,0)
	<i>Tự chọn</i>	9/27
	<i>Tự chọn 9/27</i>	3,0 (2,0:1,0)
	Ngữ âm – âm vị học	3,0 (2,0:1,0)
	Văn hoá Anh – Mỹ	3,0 (2,0:1,0)
	Văn học Anh – Mỹ	3,0 (2,0:1,0)
	Phân tích diễn ngôn	3,0 (2,0:1,0)
	Ngữ nghĩa	3,0 (2,0:1,0)
	Ngữ dụng	3,0 (2,0:1,0)
	Từ vựng học	3,0 (2,0:1,0)
	Giao thoa văn hóa	3,0 (2,0:1,0)
	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3,0 (2,0:1,0)
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	29
	Bắt buộc	25
	Thực hành biên dịch 1	5,0 (2,5:2,5)
	Thực hành biên dịch 2	5,0 (2,5:2,5)

		Thực hành biên dịch 3	5,0 (2,5:2,5)
		Thực tập tốt nghiệp	4,0 (1,0:3,0)
		Khóa luận tốt nghiệp	6 (0,5:5,5)
		<i>Học phần thay thế khóa luận</i>	6
		Thực hành biên dịch nâng cao	3,0 (2,0:1,0)
		Tiếng Anh kinh tế, tài chính	3,0 (2,0:1,0)
		<i>Tự chọn 4/12</i> Thực hành biên dịch 4	4 (2,0:2,0)
		Biên dịch chuyên ngành khoa học tự nhiên	4 (2,0:2,0)
		Biên dịch chuyên ngành kỹ thuật – công nghệ	4,0 (2,0:2,0)

Cuộc họp kết thúc lúc 11h30 cùng ngày./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TỌA



TS. Nguyễn Thị Việt Nga